

Số: 140 /2014/NQ-HĐND

Long An, ngày 21 tháng 7 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về mức thu học phí năm học 2014-2015 đối với giáo dục mầm non,
phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập
trên địa bàn tỉnh Long An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;

Căn cứ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ qui định về miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

Căn cứ Nghị định 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH, ngày 15/11/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1909/TTr-UBND ngày 20/6/2014 của UBND tỉnh về mức thu học phí năm học 2014-2015 đối với giáo dục mầm non, phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An; báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND và ý kiến của Đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất mức thu học phí năm học 2014-2015 đối với giáo dục mầm non, phổ thông và các trường trung cấp, cao đẳng công lập trên địa bàn tỉnh Long An như sau:

1. Đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

Trường học, cơ sở giáo dục	Vùng thành thị (phường thuộc thành phố, thị xã; thị trấn thuộc huyện)	Vùng nông thôn	
		Các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Các xã còn lại
1. Nhà trẻ:	100	20	60
2. Mẫu giáo buổi:	40	20	20
3. Mẫu giáo bán trú:			
- Lớp mầm	130	25	75
- Lớp chồi	110	25	65
- Lớp lá	90	25	55
4. Mẫu giáo 2 buổi/ngày	75	30	40
5. Tiểu học bán trú:	80	30	50
6. Tiểu học 2 buổi/ngày:			
- 6-7 buổi/tuần:	40	20	30
- 8-10 buổi/tuần	50	30	40
7. Trung học cơ sở:	40	20	20
8. Trung học cơ sở bán trú:	100	60	80
9. Trung học cơ sở 2 buổi/ngày	80	40	60
10. Trung học phổ thông:	60	20	30
11. Giáo dục thường xuyên:			
- Hệ THCS	40	20	20
- Hệ THPT	60	20	30
12. Phí tiêu hao vật tư thực hành nghề:			
- Hệ THCS	15	10	10
- Hệ THPT	20	10	15
13. Vừa học giáo dục thường xuyên vừa học nghề:			

- Hệ THCS	90	30	40
	(Học văn hóa: 40; Học nghề: 50)	(Học văn hóa: 10; Học nghề: 20)	(Học văn hóa: 20; Học nghề: 20)
- Hệ THPT	110	40	50
	(Học văn hóa: 60; Học nghề: 50)	(Học văn hóa: 20; Học nghề: 20)	(Học văn hóa: 30; Học nghề: 20)

2. Đối với trường trung cấp, cao đẳng chuyên nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

Nhóm ngành	TCCN	CĐCN
1. Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản	190	220
2. Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch	200	230
3. Y dược	230	

3. Đối với trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề

Đơn vị tính: 1.000 đồng/học sinh/tháng

Nhóm ngành	TCN	CĐN
1. Báo chí và thông tin; pháp luật	140	150
2. Toán và thống kê	140	160
3. Nhân văn: khoa học xã hội và hành vi; kinh doanh và quản lý; dịch vụ xã hội	150	190
4. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	170	200
5. Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân	190	210
6. Nghệ thuật	210	230
7. Sức khỏe	220	240

8. Thú y	230	280
9. Khoa học sự sống; sản xuất và chế biến	240	260
10. An ninh, quốc phòng	260	280
11. Máy tính và công nghệ thông tin; công nghệ kỹ thuật	290	330
12. Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên; môi trường và bảo vệ môi trường	290	310
13. Khoa học tự nhiên	290	320
14. Khác	300	320
15. Dịch vụ vận tải	330	370

Ngoài các đối tượng có quy định mức thu học phí năm học 2014-2015, các đối tượng còn lại áp dụng theo quy định hiện hành.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2014./.

Nơi nhận:

- UB Thường vụ QH (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP (TP. HCM) (b/c);
- TT.Tỉnh ủy (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND khóa VIII;
- Các Sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

